

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.443.296.717	72.696.299.984
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	15.597.364.983	25.557.033.776
1. Tiền	111		7.530.286.782	5.206.659.598
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.067.078.201	20.350.374.178
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	-	30.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.180.520.562	16.419.591.769
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.957.629.500	927.507.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.653.810.510	14.664.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		14.615.152	1.074.480.169
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(445.534.600)	(246.395.400)
IV. Hàng tồn kho	140	9	613.553.028	692.972.923
1. Hàng tồn kho	141		613.553.028	692.972.923
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		51.858.144	26.701.516
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	51.858.144	26.701.516
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		259.673.885.852	203.181.589.444
II. Tài sản cố định	220		230.914.496.782	202.889.272.045
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	230.914.496.782	202.889.272.045
- Nguyên giá	222		253.334.637.290	225.192.766.553
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.420.140.508)	(22.303.494.508)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	28.601.264.070	166.392.260
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.601.264.070	166.392.260
VI. Tài sản dài hạn khác	260		158.125.000	125.925.139
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		158.125.000	125.925.139
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		283.117.182.569	275.877.889.428

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIÊN LÃNG

Khu 5, Thị Trấn Tiên Lãng,
Huyện Tiên Lãng, Thành Phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.590.829.595	947.186.454
I. Nợ ngắn hạn	310		3.590.829.595	947.186.454
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.533.639.737	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	35.955.392	48.416.128
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	444.839.000	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.610.300	4.610.300
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.571.785.166	894.160.026
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		279.526.352.974	274.930.702.974
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	275.434.205.974	275.434.205.974
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.309.723.136	275.309.723.136
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.482.838	124.482.838
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		124.482.838	124.482.838
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.092.147.000	(503.503.000)
1. Nguồn kinh phí	431		4.092.147.000	(503.503.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		283.117.182.569	275.877.889.428

Phạm Thị Hiền
Người lập

Phạm Thị Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	28.916.148.571	28.713.564.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28.916.148.571	28.713.564.762
4. Giá vốn hàng bán	11	16	20.760.046.685	26.344.048.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.156.101.886	2.369.516.672
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.026.155.646	4.251.113.481
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	6.584.803.438	6.645.019.941
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		2.597.454.094	(24.389.788)
11. Thu nhập khác	31		4.456.545	169.137.274
12. Chi phí khác	32		7.117.783	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.661.238)	169.137.274
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.594.792.856	144.747.486
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	27.794.716	20.264.648
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.566.998.140	124.482.838

Phạm Thị Hiền
Người lậpPhạm Thị Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		25.914.676.409	28.406.794.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(9.420.144.876)	(14.384.530.024)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(15.772.490.000)	(15.353.745.000)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(39.388.725)	(47.895.469)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.746.381.191	5.486.386.274
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.881.810.135)	(7.109.019.996)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.547.223.864	(3.002.010.215)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(43.592.913.320)	(15.744.503.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	(80.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.000.000.000	110.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.086.020.663	5.407.587.264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.506.892.657)	19.663.084.264
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(9.959.668.793)	16.661.074.049
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.557.033.776	8.895.959.727
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	15.597.364.983	25.557.033.776

Phạm Thị Hiền
Người lậpPhạm Thị Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Tiên Lăng là Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Tiên Lăng theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200325622 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu 5, Thị Trấn Tiên Lăng, Huyện Tiên Lăng, Thành Phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.000.000.000 đồng. Theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 về việc phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Tiên Lăng, số vốn điều lệ Công ty là 246.000.000.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, Chi tiết: Nạo vét sông, ngòi, đắp đê, làm kè, sửa chữa các công trình kỹ thuật công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Vận hành hệ thống thủy lợi tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp; Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị; Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: thoát nước; Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích khác;
- Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Khảo sát thiết kế công trình thủy lợi, tư vấn đầu thầu xây lắp công trình thủy lợi; tư vấn các phương pháp tưới tiêu khoa học, giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình thủy lợi; Tư vấn lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình xây dựng; tư vấn thẩm tra tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình xây dựng, tư vấn thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án, tư vấn quản lý chi phí đầy đủ xây dựng công trình;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án (nhóm B); tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng; tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị 06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06 - 10 năm

Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài Chính. Theo đó, Các tài sản cố định sau đây của Công ty không phải trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m3/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình;

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với hoạt động công ích doanh thu được xác định và ghi nhận theo số ghi thu thủy lợi phí trong năm trên cơ sở của các khoản thủy lợi phí mà ngân sách cấp.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán phát sinh trong năm bao gồm: ...

Thuế

Hoạt động công ích: Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động ngoài công ích:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	186.170.637	69.954.937
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.344.116.145	5.136.704.661
Các khoản tương đương tiền	8.067.078.201	20.350.374.178
	15.597.364.983	25.557.033.776

Tại 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Dầu Khí Toàn Cầu với lãi suất từ 4%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
HTX dịch vụ nước sạch Gia Hưng	336.949.500	239.142.000
Công ty cổ phần Tân Sơn	368.444.000	274.065.000
Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng	2.843.600.000	-
HTX Thủy Sản - Dịch vụ môi trường Tiên Lăng	297.524.000	332.390.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	111.112.000	81.910.000
	3.957.629.500	927.507.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tư vấn thiết kế và XD Hải Thành	693.000.000	-	693.000.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế CT XD Hải Phòng	633.000.000	-	633.000.000	-
Công ty CP đầu tư xây dựng Thế Hân	986.556.510	-	4.700.000.000	-
Công ty CP Hepco	22.130.000	-	1.850.000.000	-
Công ty CP xây dựng tổng hợp Thành Đức	-	-	2.850.000.000	-
Trả trước khác	1.319.124.000	-	3.938.000.000	-
	3.653.810.510	-	14.664.000.000	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	535.123.459	-	589.599.010	-
Công cụ, dụng cụ	78.429.569	-	103.373.913	-
	613.553.028	-	692.972.923	-

10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp hệ thống thủy lợi phân vùng tưới tiêu Nam Sông Mới	28.601.264.070	166.392.260
Công trình khác	-	96.207.000
	28.601.264.070	166.392.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	219.165.272.241	4.475.404.858	1.552.089.454	225.192.766.553
Mua sắm	26.373.353.737	1.768.517.000	-	28.141.870.737
Tại ngày 31/12/2021	245.538.625.978	6.243.921.858	1.552.089.454	253.334.637.290
Gía trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	19.132.703.777	2.030.813.277	1.139.977.454	22.303.494.508
Trích khấu hao	13.618.000	-	103.028.000	116.646.000
Tại ngày 31/12/2021	19.146.321.777	2.030.813.277	1.243.005.454	22.420.140.508
Gía trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	200.032.568.464	2.444.591.581	412.112.000	202.889.272.045
Tại ngày 31/12/2021	226.392.304.201	4.213.108.581	309.084.000	230.914.496.782

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.215.591.454 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	26.701.516	-	25.002.884	50.159.512	51.858.144	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	20.300.803	32.784.159	39.388.725	-	13.696.237
Thuế Thu nhập cá nhân	-	18.347.600	26.782.100	27.904.050	-	17.225.650
Thuế Tài nguyên	-	9.767.725	10.914.420	15.648.640	-	5.033.505
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	305.596.000	305.596.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	26.701.516	48.416.128	404.079.563	441.696.927	51.858.144	35.955.392

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo***13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí cải tạo sửa chữa công trình thủy lợi	444.839.000	-
	444.839.000	-

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2021			
Tại ngày 01/01/2021	275.309.723.136	124.482.838	275.434.205.974
Lãi/lỗ trong năm nay	-	2.566.998.140	2.566.998.140
Phân phối lợi nhuận	-	(2.566.998.140)	(2.566.998.140)
Tại ngày 31/12/2021	275.309.723.136	124.482.838	275.434.205.974

15 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu thủy lợi phí và bán nước thô	28.916.148.571	28.713.564.762
	28.916.148.571	28.713.564.762

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thủy lợi phí và bán nước thô	20.760.046.685	26.344.048.090
	20.760.046.685	26.344.048.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.026.155.646	4.251.113.481
	1.026.155.646	4.251.113.481

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	167.201.383	186.922.597
Chi phí nhân công	5.359.753.000	5.136.326.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.028.000	103.028.000
Thuế, phí, lệ phí	308.596.000	308.596.000
Chi phí dự phòng	199.139.200	120.252.700
Chi phí khác bằng tiền	447.085.855	789.894.201
	6.584.803.438	6.645.019.941

19 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.594.792.856	144.747.486
Các khoản điều chỉnh tăng	7.117.783	-
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	7.117.783	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.462.937.061)	-
- Lợi nhuận không chịu thuế	(2.462.937.061)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	138.973.578	144.747.486
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.794.716	28.949.497
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(8.684.849)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	27.794.716	20.264.648

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LÃNG

Khu 5, Thị Trấn Tiên Lãng,

Huyện Tiên Lãng, Thành Phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

21 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc	1.161.412.000	993.738.000

22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á.

Phạm Thị Hiền
Người lập

Phạm Thị Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

